

Bản số: 68/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 24/9/2020

V/v: TrA chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn A Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Ông Đỗ Phụng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Không tham gia – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2020 về “ TrA chấp ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐSTHNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1988(Có mặt)

HKTT: Tổ 23(nay thuộc tổ 14) , P. Túc Duyên, TP TH, tỉnh TH.

Bị đơn: A Nguyễn Quang H, sinh năm 1983(Vắng mặt)

HKTT: Tổ 23 (nay thuộc tổ 14) , phường Túc Duyên, TP TH, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và A Nguyễn Quang H kết hôn năm 2007, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Túc Duyên, thành phố TH, tỉnh TH*

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008; Nguyễn Đức A, sinh ngày 31/8/2014

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lý do chị D xin ly hôn A H : Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, A H thường xuyên mắng chửi, xúc phạm đến gia đình nhà chị, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt

không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với A H.

- Về con chung: Đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, nếu A H yêu cầu nuôi con Nguyễn Đức A chị cũng nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải bị đơn A Nguyễn Quang H trình bày:* A H công nhận thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị D trình bày như trên là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008; Nguyễn Đức A, sinh ngày 31/8/2014

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do ly hôn: Trong quá trình chung sống A H cho rằng không có việc vợ chồng thường xuyên xô xát cãi chửi nhau, A không đồng ý ly hôn, đề nghị được giải quyết cho hai vợ chồng quay về nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Trường hợp nếu phải ly hôn, A đề nghị được nuôi con Nguyễn Đức A, còn cháu lớn Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu nguyện vọng muốn ở với A là tùy ở cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập A Nguyễn Quang H, A H đã nhận thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập phiên tòa và thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, A H có đến Tòa án để giải quyết vụ án, viết bản tự khai sau đó bỏ về không tiến hành hòa giải. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản cho A H đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng A H không đến, Tòa án đã giao các văn bản cho mẹ đẻ A H ở cùng địa chỉ với A H nhận các văn bản của Tòa án và cam kết giao tận tay cho A H. A H cũng đã nhận được thông tin Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án tuy nhiên A H không đến Tòa án giải quyết vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được với các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị D vẫn yêu cầu được ly hôn với A H xác định vợ chồng không còn tình cảm, A H không nhất trí ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dưỡng con chung. Trường hợp phải ly hôn, A cũng yêu cầu được nuôi cả hai con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là trA chấp về Hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

[2]. Về nội D: Chị Lê Thị D và A Nguyễn Quang H kết hôn năm 2007, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Túc Duyên,

thành phố TH, tỉnh TH, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị D là do trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, A H thường xuyên mắng chửi, xúc phạm đến gia đình nhà chị, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với A H. A H cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, không có việc đánh chửi xúc phạm chị như chị D trình bày, A xác định vẫn còn tình cảm mong muốn chị D suy nghĩ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị D suy nghĩ nhưng chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn với A H xác định vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. **Về con chung:** Hai vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008; Nguyễn Đức A, sinh ngày 31/8/2014. Quá trình giải quyết vụ án chị D đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung, nhưng nếu con lớn có yêu cầu được ở với bố và ông bà nội chị cũng nhất trí. A H đề nghị được nuôi cả hai con chung, tuy nhiên tại phiên tòa A H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thấy: Về con lớn Nguyễn Thị Quỳnh A có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn xin được với bố và ông bà nội, A H có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Về con nhỏ Nguyễn Đức A chị D có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy hiện con Nguyễn Đức A còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, phù hợp với nguyện vọng của chị D nên cần thiết giao con nhỏ Nguyễn Đức A cho chị D nuôi dưỡng. Về con lớn Nguyễn Thị Quỳnh A mặc dù cháu đơn xin được ở với bố nhưng A H vắng mặt không lý do tại phiên tòa, nên không lấy được ý kiến của A H về việc yêu cầu giải quyết về con chung, nên cần thiết giao cả hai con chung cho chị D chăm sóc cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, A H và chị D xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa, Tòa án không lấy được lời khai A H về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không và quan điểm của H đối với phần tài sản chung, nợ chung (nếu có) nên Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4]. **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị D và A H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Chị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị D, cho chị D được ly hôn với A Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 31/8/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. A H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Không xem xét do các bên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị D phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003109 ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Chị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn A Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn A Thu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TH, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà***

** Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH.

Bị đơn: A Dương A Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với A Dương A Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức A, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. A Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được cHển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
A Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA